

MẪU GIẤY XÁC NHẬN ĐỘC THÂN CHUẨN NHẤT

1. Mẫu giấy chứng nhận độc thân là gì?

Xác nhận tình trạng hôn nhân có thể hiểu là việc một cá nhân cam kết về tình trạng hôn nhân của mình: độc thân, đã ly hôn, đã kết hôn... khi muốn thực hiện một giao dịch hoặc một thủ tục nào đó như: Đăng ký kết hôn, thế chấp vay vốn ngân hàng...

Trong những trường hợp phải xác định quan hệ hôn nhân, khi muốn xác nhận nghĩa vụ liên đới giữa vợ, chồng trong giao dịch... thì để thuận lợi cho việc quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, việc xin cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là rất cần thiết.

Mẫu giấy chứng nhận độc thân hay giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là một loại biểu mẫu hộ tịch do cơ quan nhà nước cấp. Mẫu giấy này có thể được sử dụng khi đăng ký kết hôn hoặc trong giao dịch dân sự.

Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân được quy định chi tiết tại Thông tư 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp, có hiệu lực từ ngày 16.7.2020 (thay thế Thông tư 15/2015/TT-BTP). Trong đó, khoản 3 điều 12 quy định: “Trường hợp yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích kết hôn thì cơ quan đăng ký hộ tịch chỉ cấp một bản cho người yêu cầu. Trong Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân phải ghi rõ họ tên, năm sinh, quốc tịch, giấy tờ tùy thân của người dự định kết hôn, nơi dự định đăng ký kết hôn”.

Đối với những trường hợp yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích khác, không phải để đăng ký kết hôn, thì khoản 4 điều 12 quy định: Người yêu cầu không phải đáp ứng điều kiện kết hôn; trong Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân phải ghi rõ mục đích sử dụng, không có giá trị sử dụng để đăng ký kết hôn. Số lượng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân được cấp theo yêu cầu. Ví dụ: Giấy này được cấp để làm thủ tục mua bán nhà, không có giá trị sử dụng để đăng ký kết hôn.

2. Cách ghi giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

2.1 Mục “kính gửi”:

Điều 21 Nghị định 123/2015/NĐ-CP quy định, thẩm quyền cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thuộc về UBND cấp xã. Theo đó, mục kính gửi ghi là UBND xã, phường, thị trấn.

Ví dụ: UBND phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

2.2 Mục “Nơi cư trú”

Ghi theo địa chỉ cư trú hiện nay của người được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

- Với công dân Việt Nam đang cư trú trong nước:

+ Ghi theo nơi đăng ký thường trú, nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú;

+ Không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.

- Với công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài thì ghi theo địa chỉ thường trú hoặc tạm trú ở nước ngoài.

2.3 Mục “giấy tờ tùy thân”:

Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân như: hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế

Ví dụ: Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2004

2.4 Mục “Trong thời gian cư trú tại”

Khai trong các trường hợp:

- Người yêu cầu đề nghị cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian đăng ký thường trú trước đây.
- Công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian cư trú ở nước ngoài hoặc trong thời gian cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh;
- Người đang có vợ/chồng yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân từ thời điểm đủ tuổi đăng ký kết hôn cho đến trước thời điểm đăng ký kết hôn;
- Người đã qua nhiều nơi thường trú khác nhau thì phải ghi cụ thể từng thời điểm thường trú.

2.5 Mục “Tình trạng hôn nhân”

Phải ghi chính xác về tình trạng hôn nhân hiện tại của người đó.

Đối với công dân Việt Nam cư trú ở trong nước:

- Nếu chưa bao giờ kết hôn thì ghi “Chưa đăng ký kết hôn với ai”.
- Nếu đang có vợ/chồng thì ghi “Hiện tại đang có vợ/chồng là bà/ông... theo Giấy chứng nhận kết hôn số..., do... cấp ngày... tháng... năm...”.
- Nếu có đăng ký kết hôn, nhưng đã ly hôn và chưa kết hôn mới thì ghi “Có đăng ký kết hôn, nhưng đã ly hôn theo Bản án/Quyết định ly hôn số... ngày... tháng... năm... của Tòa án nhân dân...; hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai”.
- Nếu có đăng ký kết hôn, nhưng vợ/chồng đã chết và chưa kết hôn mới thì ghi “Có đăng ký kết hôn, nhưng vợ/chồng đã chết theo Giấy chứng tử/Trích lục khai tử/Bản án số:... do... cấp ngày... tháng... năm...; hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai”.
- Nếu là trường hợp chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987 và vẫn chung sống với nhau mà chưa đăng ký kết hôn thì ghi “Hiện tại đang có vợ/chồng là bà/ông...”.

Đối với công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh, thì khai về tình trạng hôn nhân của mình trong thời gian đã cư trú tại nơi đó.

Ví dụ: trong thời gian cư trú tại, từ ngày..... tháng năm đến ngày tháng năm chưa đăng ký kết hôn với ai

Đối với công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài, có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian cư trú ở nước ngoài, thì khai về tình trạng hôn nhân của mình trong thời gian cư trú tại nước đó

Ví dụ: trong thời gian cư trú tại CHLB Đức từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm không đăng ký kết hôn với ai tại Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức

2.6 Mục “Mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân”.

Ghi rõ mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, không được để trống.

Ví dụ: Làm thủ tục mua bán nhà; bổ túc hồ sơ xin việc; làm thủ tục thừa kế; bổ túc hồ sơ đi du lịch nước ngoài; để kết hôn...

Trường hợp sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để làm thủ tục đăng ký kết hôn thì phải ghi rõ họ tên, năm sinh, giấy tờ tùy thân của người dự định kết hôn, nơi dự định làm thủ tục kết hôn.

Ví dụ: - Giấy này được cấp để làm thủ tục kết hôn với chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992, CMND số 031331332, tại UBND xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

2.7 Những lưu ý khác cần chú ý

Trong trường hợp, nơi cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam trong thời gian cư trú ở nước ngoài là Cơ quan đại diện thì cần lưu ý những điểm sau đây:

- Mục “Nơi cư trú” ghi theo địa chỉ cư trú hiện tại của người yêu cầu;
- Mục “Trong thời gian cư trú tại:... từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...” ghi theo địa chỉ, thời gian cư trú thực tế tại nước ngoài.
- Mục “Tình trạng hôn nhân” được xác định theo Sổ đăng ký hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử do Cơ quan đại diện quản lý.

Ví dụ thực tế khi cơ quan cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là Cơ quan đại diện:

Ông Nguyễn Văn A,

Nơi cư trú: Berlin, CHLB Đức.

Trong thời gian cư trú tại: New York, Hoa Kỳ, từ ngày 20 tháng 10 năm 2010 đến ngày 27 tháng 7 năm 2012.

Tình trạng hôn nhân: Không đăng ký kết hôn với ai tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ”.

3. Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân dùng lúc nào?

Căn cứ khoản 2 điều 23 Nghị định 123/2015/NĐ-CP, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân được sử dụng để kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, kết hôn tại

cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài hoặc sử dụng vào mục đích khác (như là, khi bán nhà đất nếu chưa kết hôn, nhận con nuôi,...).

Theo điều 28 Nghị định 126/2014/NĐ-CP, người yêu cầu cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân nộp trực tiếp một bộ hồ sơ tại UBND cấp xã. Hồ sơ bao gồm:

Tờ khai cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo mẫu quy định.

Bản sao một trong các giấy tờ để chứng minh về nhân thân như Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế.

Bản sao sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú của người yêu cầu.

Nếu là công dân Việt Nam đã ly hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, bạn phải nộp giấy xác nhận ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã được giải quyết ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Trong hai ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí, UBND cấp xã kiểm tra về nhân thân, tình trạng hôn nhân của người có yêu cầu cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; có văn bản báo cáo kết quả kiểm tra và nêu rõ các vấn đề vướng mắc cần xin ý kiến, gửi Sở Tư pháp, kèm theo bản chụp bộ hồ sơ.

Trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kèm theo hồ sơ của UBND cấp xã, Sở Tư pháp thẩm tra tính hợp lệ để gửi UBND cấp xã để thông báo cho người yêu cầu.

Trong thời hạn hai ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND cấp xã ký giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cấp cho người yêu cầu hoặc có văn bản thông báo về việc từ chối cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, trong đó nêu rõ lý do.

4. Hướng dẫn thủ tục xin giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ: Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.

Đối tượng giải quyết: Cá nhân.

Mục đích, thời hạn sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

- Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân sử dụng vào việc đăng ký kết hôn hoặc vào các mục đích khác.
- Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có giá trị 06 tháng kể từ ngày xác nhận.

Thẩm quyền giải quyết

- Đối với công dân Việt Nam đang cư trú trong nước, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân thực hiện việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người đó.
- Đối với công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian ở trong nước thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú trước khi xuất cảnh, thực hiện việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

Thành phần hồ sơ:

- **Giấy tờ phải nộp:** Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân khai.

- **Giấy tờ phải xuất trình:** Trích lục bản án hoặc Quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về việc ly hôn hoặc bản sao Giấy chứng tử (trong trường hợp người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã có vợ, có chồng nhưng đã ly hôn hoặc người kia đã chết).
- **Thời hạn giải quyết:** Cấp trong ngày. Trường hợp cần xác minh thì thời gian giải quyết là không quá 05 ngày làm việc.

Thông tin lưu ý

- Người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn. Trường hợp không trực tiếp đi nộp thì có thể ủy quyền cho người khác làm thay. Việc ủy quyền phải bằng văn bản và phải được công chứng hoặc chứng thực hợp lệ. Nếu người được ủy quyền là ông, bà, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì không cần phải có văn bản ủy quyền nhưng phải xuất trình giấy tờ chứng minh mối quan hệ.
- Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để làm thủ tục đăng ký kết hôn và xác nhận tình trạng hôn nhân trong Tờ khai đăng ký kết hôn đều có giá trị chứng minh về tình trạng hôn nhân của bên kết hôn; khi đăng ký kết hôn, hai bên nam nữ chỉ cần nộp một trong hai loại giấy tờ trên.
- Nội dung xác nhận tình trạng hôn nhân phải được ghi rõ: đương sự hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai (Ví dụ: Anh Nguyễn Văn A, hiện đang cư trú tại..., hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai); đối với người đã có vợ/chồng nhưng đã ly hôn hoặc người kia đã chết thì cũng phải ghi rõ điều đó (Ví dụ: Anh Nguyễn Văn A, hiện đang cư trú tại... đã đăng ký kết hôn, nhưng đã ly hôn theo Bản án ly hôn số ... ngày... tháng ... năm.... của Tòa án nhân dân ..., hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai).
- Đối với những người đã qua nhiều nơi cư trú khác nhau (kể cả thời gian cư trú ở nước ngoài), mà Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi xác nhận tình trạng hôn nhân không rõ về tình trạng hôn nhân của họ ở những nơi đó, thì yêu cầu đương sự viết bản cam đoan về tình trạng hôn nhân của mình trong thời gian trước khi về cư trú tại địa phương và chịu trách nhiệm về việc cam đoan.

5. Mẫu giấy xác nhận độc thân tham khảo

5.1 Mẫu tờ khai cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI CẤP GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN

Kính gửi:

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú: ⁽¹⁾

Quan hệ với người được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân:

Đề nghị cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽¹⁾

Nghề nghiệp:

Trong thời gian cư trú tại:

Từ ngày.....tháng.....năm, đến ngày tháng năm⁽³⁾

Tình trạng hôn nhân ⁽⁴⁾

Mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: ⁽⁵⁾

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

Làm tại:....., ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

.....

Chú thích:

⁽¹⁾ Trường hợp công dân Việt Nam cư trú trong nước thì ghi theo nơi đăng ký thường trú, nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.

Trường hợp công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài thì ghi theo địa chỉ thường trú hoặc tạm trú ở nước ngoài.

(2) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân như: hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (ví dụ: Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2004).

(3) Khai trong các trường hợp:

- Công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian cư trú ở nước ngoài hoặc trong thời gian cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh;
- Người đang có vợ/chồng yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân từ thời điểm đủ tuổi đăng ký kết hôn cho đến trước thời điểm đăng ký kết hôn;
- Người đã qua nhiều nơi thường trú khác nhau thì phải ghi cụ thể từng thời điểm thường trú.

(4) Đối với công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thì ghi rõ tình trạng hôn nhân hiện tại: đang có vợ hoặc có chồng; hoặc chưa đăng ký kết hôn lần nào; hoặc đã đăng ký kết hôn, nhưng đã ly hôn hay người kia đã chết.

Đối với công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh, thì khai về tình trạng hôn nhân của mình trong thời gian đã cư trú tại nơi đó (Ví dụ: trong thời gian cư trú tại, từ ngày..... tháng năm đến ngày tháng năm chưa đăng ký kết hôn với ai).

Đối với công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài, có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian cư trú ở nước ngoài, thì khai về tình trạng hôn nhân của mình trong thời gian cư trú tại nước đó (Ví dụ: trong thời gian cư trú tại CHLB Đức từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm không đăng ký kết hôn với ai tại Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức).

(5) Ghi rõ mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Trường hợp sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để kết hôn, thì phải ghi rõ kết hôn với ai (họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nơi thường trú/tạm trú); nơi đăng ký kết hôn.

5.2 Mẫu giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (mẫu 1)**CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM**

Tại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN
CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM***Căn cứ Luật số 33/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009 Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài;**Căn cứ Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.*

Xét đề nghị của ông/bà:

XÁC NHẬN:

Ông/bà:.....

Họ và tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:.....

Số Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:

Nơi thường trú/tạm trú:

Trong thời gian cư trú tại

..... từ ngày tháng năm, đến ngày tháng năm

Tình trạng hôn nhân:

Giấy này được cấp để:

..... và có giá trị sử dụng trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày cấp.

Vào sổ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số Quyền số:

**THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM**

5.3 Mẫu giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (mẫu 2)

Mẫu giấy xác nhận tình trạng hôn nhân dùng cho công dân cư trú ở nước ngoài

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã/phường.....

Huyện/quận.....

Tỉnh/thành phố.....

Số:..... UB/HT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm.....

GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN

(Để dùng ở nước ngoài)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÁC NHẬN

Ông/bà:

Họ và tên:..... Giới tính:.....

Sinh ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.....

Số.....Ngày, tháng, năm cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....

Nơi thường trú hiện nay.....

Nơi thường trú trước khi xuất cảnh.....

Trong thời gian cư trú tại địa phương từ ngày..... tháng..... năm đến ngày.....tháng.... năm.....

Tình trạng hôn nhân:.....

Giấy này được cấp dùng để (5)..... và có giá trị sử dụng trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày cấp.

....., ngày....tháng....năm.....

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Viết bằng chữ in hoa, có dấu;
- (2) Nếu đang ở nước ngoài, thì ghi rõ nước nào (địa chỉ cụ thể);
- (3) Chỉ cần thiết trong trường hợp công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài;
- (4) Ghi rõ: chưa đăng ký kết hôn với ai hoặc đã đăng ký kết hôn, nhưng đã ly hôn hay người kia đã chết; trong trường hợp việc ly hôn do Tòa án nước ngoài xét xử, thì

phải ghi rõ ngày, tháng, năm cấp Giấy xác nhận đã ghi chú vào Sổ đăng ký kết hôn của Sở Tư pháp;

(5) Ghi rõ mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

www.eLib.vn